

Bản án số: 03/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 07-01-2025
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGHI SƠN, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Cúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Mai Đức Danh

2. Ông: Nguyễn Văn Tông

- Thư ký phiên tòa: Bà Lữ Thị Hải Vân - Thư ký Tòa án nhân dân, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghi Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 337/2024/TLST – HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2024 về việc ly hôn và tranh chấp nuôi con chung theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 151/2024/QĐXX-ST ngày 27 tháng 12 năm 2024 **giữa các đương sự:**

- Nguyên đơn: Anh Lê Văn S – Sinh năm: 1993

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H - Sinh năm: 1995

HKTT: TK 6, phường H, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa

Đều có nơi ở hiện nay tại: TK B, phường H, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa.

Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai anh Lê Văn S trình bày như sau: Tôi và chị H tự nguyện tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 19/12/2019. Sau khi kết hôn vợ chồng tôi chung sống hạnh phúc đến đầu

năm 2022 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Nay tôi thấy không còn tình cảm với chị H nên đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với chị H.

Chị Nguyễn Thị H có trình bày quan điểm của mình như sau: Về thời gian, điều kiện, địa điểm kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn như anh S trình bày là đúng. Nay anh S làm đơn ly hôn, tôi thấy vẫn còn tình cảm với anh S và lo lắng cho tương lai của các con nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh S và chị H có 02 con chung là Lê Nguyễn Anh T – Sinh ngày: 09/8/2020 và Lê Nhật M – Sinh ngày: 30/03/2023. Nay ly hôn, anh S có nguyện vọng được nuôi cháu Anh T, giao cháu Nhật M cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Do mỗi người đều có trách nhiệm nuôi con nên anh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Chị H không đồng ý ly hôn nên không muốn Tòa án chia con.

Về tài sản và công nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh S1 vẫn giữ nguyên quan điểm; Về phía chị H xác định cuộc sống vợ chồng không có tiếng nói chung, hai vợ chồng tuy chung sống trong một nhà nhưng không quan tâm, không giao tiếp với nhau, sống ly thân hoàn toàn từ hai năm nay. Đến nay chị xác định cuộc sống không hạnh phúc nên đồng ý ly hôn. Về con chung chị có nguyện vọng nuôi dưỡng cả hai cháu và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghi Sơn phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án là đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự và các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận đơn khởi kiện của Lê Văn S; Xử cho anh S được ly hôn với chị H. Về con chung: Giao cháu Anh T cho anh S nuôi dưỡng, giao cháu Nhật M cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Các đương sự không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau. Các bên được quyền lui tới thăm nom, chăm sóc

con chung, không ai được quyền ngăn cản; Về tài sản và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Tòa không xét; Về án phí: Buộc anh S phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Lê Văn S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị Nguyễn Thị H là tranh chấp theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS. Bị đơn hiện đang cư trú trên địa bàn thị xã N nên TAND Thị xã Nghi Sơn có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh S và chị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án chị H không đồng ý ly hôn vì thương các con tuy nhiên tại phiên tòa chị thừa nhận hôn nhân giữa chị và anh S không có hạnh phúc, cuộc sống chung không thể kéo dài nên chị đồng ý ly hôn. Xét thấy đây là ý chí tự nguyện của các đương sự nên được HĐXX chấp nhận nguyện vọng ly hôn của anh S và chị H.

[3] Về con chung: Anh S và chị H có 02 con chung là cháu: Lê Nguyễn Anh T – Sinh ngày: 09/8/2020 và Lê Nhật M – Sinh ngày: 30/03/2023. Hiện tại cả hai cháu đều đang sống cùng anh chị. Nay ly hôn anh S có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Anh T, đối với cháu Nhật M chưa tròn 36 tháng tuổi nên theo quy định của pháp luật anh chưa được quyền nuôi dưỡng vì vậy đề nghị giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về phía chị H không đồng ý giao con cho anh S nuôi dưỡng, chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi cả hai cháu vì các cháu đều còn nhỏ, đang cần sự chăm sóc của chị.

HĐXX xét thấy, nguyện vọng của các đương sự đều chính đáng, cả anh S và chị H đều đủ điều kiện trực tiếp nuôi con, tại phiên tòa các anh chị đều trình bày hiện đang làm công nhân tại công ty G, có mức thu nhập hàng tháng ổn định, cả hai đều nhận được sự giúp đỡ của ông bà nội ngoại hai bên. Vì vậy HĐXX thấy cháu Nhật M chưa đủ 36 tháng tuổi nên HĐXX áp dụng khoản 3 Điều 81 Luật HN&GD giao cháu Nhật M cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, đối với cháu Anh T đã trên 4 tuổi nên ở với bố

cũng hoàn toàn phù hợp nên HĐXX căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật HNGĐ giao cháu Anh T cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con do mỗi người đều có trách nhiệm nuôi dưỡng một cháu nên không buộc anh S và chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Các bên được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cấm. Trong trường hợp các bên lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì được quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của nhau.

[4] Về tài sản và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét và giải quyết.

[5] Về án phí: Buộc anh S phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Tòa án nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 BLTTDS ; Căn cứ vào các Điều 51, 56; khoản 2, 3 Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Lê Văn S.

1. Về hôn nhân: Xử cho anh Lê Văn S được ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

2. Về con chung: Anh S và chị H có 02 con chung là cháu: Lê Nguyễn Anh T – Sinh ngày: 09/8/2020 và Lê Nhật M – Sinh ngày: 30/03/2023. Nay ly hôn giao cháu Anh T cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Nhật M cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về mức cấp dưỡng: Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

- Về quyền đi lại, thăm nom con chung: Các bên được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cấm. Trong trường hợp một bên lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì được quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của nhau.

3. Về tài sản và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét và giải quyết.

4. Về án phí: Buộc anh S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002996, ngày 12 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Anh S đã thi hành xong phần án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn. Anh S và chi H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND thị xã Nghi Sơn;
- CC.THA-DS thị xã Nghi Sơn;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- UBND phường Hải Hòa, TX. Nghi Sơn, Thanh Hóa
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Thị Cúc

